

SỞ Y TẾ NINH BÌNH  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1414/BVĐK-DUOC

Ninh Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2021

V/v mời báo giá hóa chất xét  
nghiệm

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh hóa chất, sinh phẩm.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua một số hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đến hết ngày 09/4/2022 (có phụ lục danh mục kèm theo). Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu trên, Bệnh viện đề nghị Quý Công ty báo giá các mặt hàng trên (theo mẫu báo giá kèm theo) đồng thời gửi kèm bản chụp màn hình kết quả trúng thầu đã được công bố trên trang: Congkhaiketquathau.moh.gov.vn (nếu có).

- Thời gian nhận báo giá: Trước 17h00 ngày 05/01/2022;

- Hình thức nhận báo giá:

+ Báo giá bằng văn bản, có đóng dấu công ty gửi về địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình; Đường Tuệ Tĩnh - Phường Nam Thành - Thành phố Ninh Bình, SĐT: 02293 871 030;

+ Bản file mềm gửi vào hộp thư: [duocbvdknb@gmail.com](mailto:duocbvdknb@gmail.com)

Kính mời các công ty tham gia báo giá; trân trọng cảm ơn. /s/

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc BV (để b/c);
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, Dược.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Chính Chuyên**



**Phụ lục**

**DANH SÁCH CÁC MẶT HÀNG XIN BẢO GIÁ**

(Kèm theo Thư mời báo giá số 14/4 /BVĐK-DUOC ngày 28 /12/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Mã sử dụng
1	Anti - TSH R (hoặc tương đương)	<p>Hóa chất dùng để định lượng tự kháng thể kháng thụ thể TSH trong huyết thanh người.</p> <p>Thành phần:            M Vi hạt phủ streptavidin , 1 chai, 6,5 mL; Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.            R1 Dung dịch đệm , 1 chai, 7 mL; Đệm phosphate 20 mmol/L, pH 7.4; chất ổn định; chất bảo quản.            R2 Anti-TSHR~Ru(bpy) , 1 chai, 7 mL; Kháng thể đơn dòng kháng TSHR M22 đánh dấu phức hợp ruthenium khoảng 0.3 mg/L; đệm phosphate 20 mmol/L, pH 7.4; chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>Mẫu chuẩn:            A-TSHR Cal II Mẫu chuẩn Anti-TSHR 1 , 1 chai (đóng khô) pha 2.0 mL; kháng thể Anti-TSHR khoảng 1.0 IU/L trong hỗn hợp huyết thanh người.            A-TSHR Cal2 Mẫu chuẩn Anti-TSHR 2 , 1 chai (đóng khô) pha 2.0 mL; kháng thể Anti-TSHR khoảng 25 IU/L trong hỗn hợp huyết thanh người.            Bộ tiền xử lý:            PT1 Dung dịch đệm tiền xử lý , 1 chai, 4 mL; Đệm phosphate 20 mmol/L, pH 7.4; chất ổn định; chất bảo quản.            PT2 Chai trống để hoàn nguyên thuốc thử tiền xử lý (PTR) với đệm tiền xử lý (PTB).            PTR Thuốc thử tiền xử lý, phức hợp pTSHR-anti-pTSHR-Ab-biotin , 1 chai, mỗi chai pha 4 mL PTB; Đệm phosphate 40 mmol/L, pH 7.2; chất ổn định.            PTB Dung dịch đệm tiền xử lý , 1 chai, mỗi chai 5 mL; Môi trường hoàn nguyên cho PTR; đệm phosphate 10 mmol/L, pH 7.2; chất ổn định.            Khoảng đo: 0.3 - 40 IU/L</p> <p>Độ chính xác trung gian CV%: ≤ 11.4            Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.</p>	Test	E601, C8000
2	PSA Calsset (hoặc tương đương)	<p>Hóa chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng total PSA.</p> <p>Thành phần gồm:            Cal 1 : 2x1.0mL PSA trong huyết thanh người            Cal 2: 2x1.0mL PSA trong huyết thanh người            PSA với hai khoảng nồng độ (khoảng 0 ng/mL và khoảng 60 ng/mL) trong huyết thanh người.            Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.</p> <p>Quy cách đóng gói: 4x1ml/hộp</p>	Hộp	E601, C8000
3	PSA RP (hoặc tương đương)	<p>Hóa chất để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (tự do + phức hợp) trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>Thành phần gồm:            M Vi hạt phủ Streptavidin , 1 chai, 6,5 mL; Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.            R1 Anti-PSA-Ab-biotin , 1 chai, 10 mL; Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin 1.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản.            R2 Anti-PSA-Ab~Ru(bpy) , 1 chai, 10 mL; Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu phức hợp ruthenium 1.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản.</p> <p>Khoảng đo: 0.003 - 100 ng/ml            Độ chính xác trung gian CV%: ≤ 3.8            Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.</p>	Test	E601, C8000

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Máy sử dụng
4	Elec HBSAg Gen2 (hoặc tương đương)	Hóa chất dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần gồm: M Vi hạt phủ Streptavidin, 1 chai, 6.5 mL; Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản. R1 Anti-HBsAg-Ab-biotin, 1 chai, 8 mL; Hai kháng thể đơn dòng kháng HBsAg đánh dấu biotin > 0.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản. R2 Anti-HBsAg-Ab-Ru(bpy), 1 chai, 7 mL; Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg, kháng thể đa dòng kháng HBsAg đánh dấu phức hợp ruthenium > 1.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 8.0; chất bảo quản. HBSAG II CalI Mẫu chuẩn âm tính 1, 2 chai, mỗi chai 1.3 mL; Huyết thanh người; chất bảo quản. HBSAG II Cal2 Mẫu chuẩn dương tính 2, 2 chai, mỗi chai 1.3 mL; HBsAg khoảng 0.5 IU/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. Độ chính xác trung gian CV%: ≤ 23.8 Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Test	E601, E411
5	Elec TSH Calsel (hoặc tương đương)	Hóa chất dùng để chuẩn xét nghiệm TSH. Thành phần gồm: Cal 1: 2x1.3mL TSH trong huyết thanh ngựa Cal 2: 2x1.3mL TSH (người) trong huyết thanh người. Nồng độ của TSH Cal1 trong huyết thanh ngựa khoảng 0 µIU/mL; TSH Cal2 chứa khoảng 1.5 µIU/mL TSH (người) trong huyết thanh người. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Quy cách đóng gói: 4x1.3ml/hộp	Hộp	E601, C8000
6	PROBNP GEN.2 elecsys, cobas E(Hoặc tương đương)	Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng ProBNP Thành phần gồm: M Vi hạt phủ Streptavidin, 1 chai, 6.5 mL; Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản. R1 Anti-NT-proBNP-Ab-biotin, 1 chai, 9 mL; Kháng thể đơn dòng kháng NT-proBNP đánh dấu biotin 1.1 µg/mL; đệm phosphate 40 mmol/L, pH 5.8; chất bảo quản. R2 Anti-NT-proBNP-Ab-Ru(bpy), 1 chai, 9 mL; Kháng thể đơn dòng kháng NT-proBNP đánh dấu phức hợp ruthenium 1.1 µg/mL; đệm phosphate 40 mmol/L, pH 5.8; chất bảo quản. Khoảng đo: 5 - 35000 pg/mL Độ chính xác trung gian CV%: ≤ 4.6 Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Test	E601, C8000
7	PROBNP CS GEN.2 (hoặc tương đương)	Hóa chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys proBNP. Thành phần gồm: • PRO-BNP II Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 • PRO-BNP II Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 ProBNP với hai khoảng nồng độ (khoảng 16.6 pmol/L hoặc 140 pg/mL và khoảng 320 pmol/L hoặc 2700 pg/mL) trong huyết thanh ngựa. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Quy cách đóng gói: 4x1ml	hộp	E601, C8000

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Mã số dụng
8	Procalcitonin (hoặc tương đương)	<p>Hóa chất dùng để định lượng PCT (procalcitonin) trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>M Vi hạt phủ Streptavidin , 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>R1 Anti-PCT-Ab-biotin , 1 chai, 9 mL: Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh dấu biotin 2.0 µg/mL; đệm phosphate 95 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản.</p> <p>R2 Anti-PCT-Ab-Ru(bpy) , 1 chai, 9 mL: Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh dấu phức hợp ruthenium 5.6 µg/mL; đệm phosphate 95 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản.</p> <p>PCT-CalH-PCT-calibrator-1, 1 chai (đồng khô) pha 4 mL: PCT-khoảng 0-10 ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản.</p> <p>PCT Cal2 PCT calibrator 2, 1 chai (đồng khô) pha 4 mL: PCT khoảng 54 ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản.</p> <p>PC PCT1 PreciControl PCT 1, 2 chai (đồng khô) mỗi chai pha 4 mL: PCT khoảng 0.50 ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản.</p> <p>PC PCT2 PreciControl PCT 2, 2 chai (đồng khô) mỗi chai pha 4 mL: PCT khoảng 10 ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản.</p> <p>Khoảng đo: 0.02 - 100 ng/mL</p> <p>Độ chính xác trung gian CV%: ≤ 16.3</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.</p>	Test	E601, C8000
9	Troponin T 200T Elec (hoặc tương đương)	<p>Hóa chất để định lượng troponin T tim trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>Thành phần:</p> <p>M Vi hạt phủ Streptavidin , 1 chai, 12 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>R1 Anti-troponin T-Ab-biotin , 1 chai, 14 mL: Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim đánh dấu biotin 2.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản.</p> <p>R2 Anti-troponin T-Ab-Ru(bpy) , 1 chai, 14 mL: Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim đánh dấu phức hợp ruthenium 2.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản.</p> <p>Khoảng đo: 3 - 10000 ng/L</p> <p>Độ chính xác trung gian CV%: ≤ 15</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.</p>	Test	E601, C8000
10	Anti-HBs G2 Elecsys cobas e 100 (Hoặc tương đương)	<p>Hóa chất dùng để dùng để định lượng kháng thể của người kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B.</p> <p>Thành phần:</p> <p>M Vi hạt phủ Streptavidin, 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>R1 HBsAg-biotin, 1 chai, 10 mL: HBsAg (ad/ay) đánh dấu biotin, &gt; 0.5 mg/L; đệm MESb) 85 mmol/L, pH 6.5; chất bảo quản.</p> <p>R2 HBsAg-Ru(bpy), 1 chai, 8 mL: HBsAg (ad/ay) đánh dấu phức hợp ruthenium &gt; 0.3 mg/L; đệm MES 85 mmol/L, pH 6.5; chất bảo quản.</p> <p>A-HBSII CalI Mẫu chuẩn 1, 2 chai, mỗi chai 1.3 mL: Kháng thể kháng HBs trong huyết thanh người; chất bảo quản.</p> <p>A-HBSII Cal2 Mẫu chuẩn 2, 2 chai, mỗi chai 1.3 mL: Kháng thể kháng HBs trong huyết thanh người; chất bảo quản.</p> <p>Khoảng đo: 2.00-1000 IU/L</p> <p>Độ chính xác trung gian CV%: ≤ 6.6</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.</p>	Test	E601, C8000
11	HBsAg II quant (hoặc tương đương)	<p>Hóa chất dùng để định lượng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người đã xác định dương tính HBsAg.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>M Vi hạt phủ Streptavidin , 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>R1 Anti-HBsAg-Ab-biotin , 1 chai, 8 mL: Hai kháng thể đơn dòng kháng HBsAg đánh dấu biotin &gt; 0.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản.</p> <p>R2 Anti-HBsAg-Ab-Ru(bpy) , 1 chai, 7 mL: Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg, kháng thể đa dòng kháng HBsAg đánh dấu phức hợp ruthenium &gt; 1.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 8.0; chất bảo quản.</p> <p>HBsAGQN2 CalI Mẫu chuẩn âm tính 1 , 2 chai, mỗi chai 1.3 mL: Huyết thanh người, đệm, pH 6.5; chất bảo quản.</p> <p>HBsAGQN2 Cal2 Mẫu chuẩn dương tính 2 , 2 chai, mỗi chai 1.3 mL: HBsAg khoảng 50 IU/mL trong huyết thanh người, đệm, pH 6.5; chất bảo quản.</p>	Test	E601, C8000

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Mã sử dụng
12	TSH RPELECSYS KIT (hoặc tương đương)	<p>Hóa chất dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>M Vi hạt phủ Streptavidin , 1 chai, 12 mL; Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>R1 Anti-TSH-Ab-biotin , 1 chai, 14 mL; Kháng thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu biotin (chủot) 2.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.2; chất bảo quản.</p> <p>R2 Anti-TSH-Ab-Ru(bpy) , 1 chai, 12 mL; Kháng thể đơn dòng kháng TSH (chủot/người) đánh dấu phức hợp ruthenium 1.2 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.2; chất bảo quản.</p> <p>Khoảng đo: 0.05 - 100 <math>\mu</math>IU/mL</p> <p>Độ chính xác trung gian CV%: <math>\leq</math> 8.7</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.</p>	Test	E601, C8000
13	TG G2 Elecsys cobas e 100 (Hoặc tương đương)	<p>Hóa chất dùng để định lượng thyroglobulin trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>Thành phần:</p> <p>M Vi hạt phủ Streptavidin, 1 chai, 6,5 mL; Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>R1 Anti-Tg-Ab-biotin , 1 chai, 9 mL; Kháng thể đơn dòng kháng Tg đánh dấu biotin 1 mg/L; đệm Bis-Tris 50 mmol/L, pH 6.3; chất bảo quản.</p> <p>R2 Anti-Tg-Ab-Ru(bpy), 1 chai, 9 mL; Kháng thể đơn dòng kháng Tg đánh dấu phức hợp ruthenium 3.1 mg/L; đệm Bis-Tris 50 mmol/L, pH 6.3; chất bảo quản.</p> <p>Khoảng đo: 0.04-500 ng/mL</p> <p>Độ chính xác trung gian CV%: <math>\leq</math> 9.2</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.</p>	Test	E601, C8000
14	ACTH Elecsys cobas e 100 (hoặc tương đương)	<p>Hóa chất dùng để định lượng nội tiết tố kích thích vỏ thượng thận (ACTH)</p> <p>Thành phần:</p> <p>M Vi hạt phủ Streptavidin, 1 chai, 6,5 mL; Vi hạt phủ Streptavidin 0,72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>R1 Anti-ACTH-Ab-biotin , 1 chai, 8 mL; Kháng thể đơn dòng kháng ACTH đánh dấu biotin 0,3 mg/L; đệm MESb) 50 mmol/L, pH 6,2; chất bảo quản.</p> <p>R2 Anti-ACTH-Ab-Ru(bpy), 1 chai, 8 mL; Kháng thể đơn dòng kháng ACTH đánh dấu phức hợp ruthenium 0,3 mg/L; đệm MES 50 mmol/L, pH 6,2; chất bảo quản.</p> <p>Khoảng đo: 1,00 - 2000 pg/mL</p> <p>Độ chính xác trung gian CV%: <math>\leq</math> 5,4</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE.</p> <p>Quy cách: 100 test/hộp.</p>	Test	E601, C8000
<b>Tổng số: 14 mặt hàng</b>				

*Ghi chú: Công ty có thể báo giá các mặt hàng có thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn.*

Mẫu báo giá

(Kèm theo Thư mời báo giá số 444-BVĐK-DUOC ngày 28/12/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)



CÔNG TY

Địa chỉ: ... ĐA KHOA TỈNH

Điện thoại: ...

Email: ...

**BẢNG BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Công ty... xin gửi tới quý bệnh viện bảng báo giá các mặt hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên hàng hóa	Nhóm TCKT (theo TT 14/2020/TT-BYT)	Chung loại (model)/Mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/Quy cách đóng gói	Số lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu	Hãng/nước chủ sở hữu	Hãng SX	Nước SX	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT) VNĐ	Ghi chú	Thông tin đã trúng thầu				
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Tỉnh/ĐY trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả		
1																	
Tổng số: .. mặt hàng																	

Bảng báo giá trên có giá trị trong ... ngày kể từ ngày ký./.

....., ngày... tháng... năm 2021

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)